

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo.

Ông Phan Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/HNGĐ-QĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Triệu Văn Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Triệu Văn Đ vào năm 2010; trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang vào ngày

12/01/2010. Sau khi kết hôn, cuộc sống gia đình hạnh phúc. Đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, không hòa hợp với nhau. Năm 2019, anh Triệu Văn Đ đi làm thuê, bỏ ba mẹ con ở nhà, không quan tâm, chu cấp tiền nuôi con nên chị Nguyễn Thị H phải cho hai con về nhà mẹ đẻ ở Bắc Giang chăm sóc và chị Nguyễn Thị H đi làm thuê ở công ty. Năm 2020, chị Nguyễn Thị H đã bắt gặp anh Triệu Văn Đ có mối quan hệ với người phụ nữ khác, chị Nguyễn Thị H đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Triệu Văn Đ không nghe và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn Đ sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Hiện nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Văn Đ.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Triệu Thanh T, sinh ngày 30/8/2010 và Triệu Nguyễn Thái T, sinh ngày 28/4/2012. Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, chị Nguyễn Thị H yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); không yêu cầu anh Triệu Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, anh Triệu Văn Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện Thôn B, xã T, huyện B và Công an xã T, huyện B đều khẳng định anh Triệu Văn Đ vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã T, huyện B. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và lập biên bản niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh Triệu Văn Đ vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do.

Qua xác minh, bà Lê Thị N là mẹ đẻ anh Triệu Văn Đ cho biết chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn Đ yêu thương nhau, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, sống cùng bà; từ khi có hai con chung thì vợ chồng chị Hoa và anh Đạt đi làm công ty từ năm 2017, sau đó đến năm 2019 thì đưa hai cháu Triệu Thanh T và Triệu Nguyễn Thái T về quê Bắc Giang sinh sống cho đến nay; trong thời gian sinh sống cùng bà thì không thấy xảy ra mâu thuẫn, còn sau đó như thế nào thì bà không biết. Còn ông Trần Văn T là trưởng thôn Bản Long, xã Tân Tri cho biết anh Triệu Văn Đ và chị Nguyễn Thị H vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương, về tình cảm vợ chồng thì ông Trần Văn T không biết vợ chồng mâu thuẫn, ông chỉ thấy chị Nguyễn Thị H đón hai con chung về nhà mẹ đẻ ở Bắc Giang sinh sống từ năm 2019. Bà Lê Thị N và ông Trần Văn T không có ý kiến gì về việc chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Triệu Văn Đ và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Triệu Văn Đ không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng và nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Triệu Văn Đ vắng mặt tại Tòa án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do vậy, anh Triệu Văn Đ không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao hai cháu Triệu Thanh T, sinh ngày 30/8/2010 và Triệu Nguyễn Thái T, sinh ngày 28/4/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Triệu Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Triệu Văn Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Triệu Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do; mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Triệu Văn Đ là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn Đ là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống hay phát sinh mâu thuẫn, anh Triệu Văn Đ đi làm thuê xa nhà, không còn về thăm gia đình, không còn

quan tâm tới vợ con và chu cấp tiền cho con, dẫn đến vợ chồng không còn có tiếng nói chung, không còn tình cảm và đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn Đ thấy rằng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau. Anh Triệu Văn Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc chị Nguyễn Thị H xin ly hôn với anh. Như vậy anh Triệu Văn Đ đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình khi giải quyết vụ án; chị Nguyễn Thị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở Bắc Giang từ năm 2019. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Triệu Văn Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Có hai người con chung là Triệu Thanh T, sinh ngày 30/8/2010 và Triệu Nguyễn Thái T, sinh ngày 28/4/2012. Hiện nay, các cháu sinh sống với chị Hoa tại nhà riêng ở xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Chị Nguyễn Thị H đi làm thuê tại công ty thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng), ngoài ra chị Hoa còn bán hàng online. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được nuôi con chung của chị Nguyễn Thị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Đó cũng là nguyện vọng của các cháu Triệu Thanh T và Triệu Nguyễn Thái T. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Triệu Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H trình bày là không có, trong quá trình giải quyết vụ án anh Triệu Văn Đ vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001008 ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Triệu Văn Đ.

2. Về con chung: Giao các cháu Triệu Thanh T, sinh ngày 30/8/2010 và Triệu Nguyễn Thái T, sinh ngày 28/4/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Triệu Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Triệu Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001008 ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Triệu Văn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hiệt